TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐAM RÔNG** **TỈNH LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 25/4/2025
V/v: "*Không công nhận quan hệ vợ chồng"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐAM RÔNG
TỈNH LÂM ĐỒNG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thúy Phượng.
Các Hội thẩm nhân dân: - Ông Cil Pam Ha Lan
- Bà Bùi Thị Là
Thư ký phiên tòa: bà Hoàng Thị Thanh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đam Rông, tỉnh Lâm Đồng.
Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đam Rông, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: bà Nguyễn Thị Yến - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 4 năm 2025, tại hội trường trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đam Rông, tỉnh Lâm Đồng; Tòa án nhân dân huyện Đam Rông xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 74/2024/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 11 năm 2024 về việc "*Không công nhận quan hệ vợ chồng*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2025/QĐXX-ST ngày 24 tháng 3 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 03/2025/QĐST-DS ngày 09 tháng 4 năm 2025 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn*: Ông Đinh Văn N; Sinh năm: 1973
Địa chỉ: thôn L, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.
Có mặt tại phiên tòa.

* *Bị đơn*: Bà Hoàng Thị Kim H; Sinh năm: 1971
Địa chỉ: thôn L, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.
Vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do.

***** *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan*: Ngân hàng C
Trụ sở chính: 169 Phố L, phường H, quận H, thành phố Hà Nội. Người đại diện theo pháp luật: Ông Dương Quyết T; Chức vụ: Tổng giám đốc. Người đại diện theo ủy quyền: Bà Phùng Thị P; Chức vụ: Giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện C.
Vắng mặt và có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại nội dung đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa của nguyên đơn ông Đinh Văn N trình bày:

Sau thời gian quen biết và tìm hiểu nhau thì ông và bà H quyết định sống chung từ năm 1991 tại huyện B, tỉnh Lâm Đồng. Hai bên chỉ làm lễ ra mắt đơn giản, không tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán và cũng không đi đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Đến năm 2001 thì chuyển đến thôn L, xã Đ, huyện Đ sinh sống cho đến nay. Cuộc sống chung của ông bà không được hạnh phúc mà thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cả hai thường xuyên cãi vã và không tìm được tiếng nói chung trong gia đình. Khoảng ba năm trở lại đây ông và bà H đã không còn chung sống với nhau nữa, tình cảm giữa hai người cũng không còn vì vậy ông yêu cầu Tòa án xem xét tuyên bố ông và bà Hoàng Thị Kim H không phải là vợ chồng.

Về con chung: Trong thời gian chung sống thì ông và bà H có bốn con chung là cháu Đinh Thị L, sinh ngày 10/01/1992; cháu Đinh Thị L1, sinh ngày 10/01/1992; cháu Đinh Văn P1, sinh ngày 01/6/1993 và cháu Đinh Thị L2, sinh ngày 06/02/1996. Hiện nay các con chung đã trưởng thành có thể tự lo cho cuộc sống nên ông không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Về tài sản chung: Ông không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Nợ Ngân hàng C – Phòng giao dịch huyện C số tiền 100.000.000 đồng. Ông N nhận trách nhiệm trả nợ cho ngân hàng số tiền này và lãi suất phát sinh theo hợp đồng vay vốn đã ký.

Ngoài ra, ông không còn ý kiến hay yêu cầu gì thêm

Đối với bị đơn - bà Hoàng Thị Kim H: Quá trình thụ lý và giải quyết vụ án bị đơn bà H mặc dù đã được Tòa án triệu tập và niêm yết hợp lệ Giấy triệu tập và các văn bản tố tụng nhưng bà H không đến làm việc, vắng mặt không có lý do. Vì vậy không có lời khai cũng như ý kiến trình bày của bà H đối với yêu cầu của nguyên đơn ông Đinh Văn N trong hồ sơ vụ án.

Ý kiến của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – Ngân hàng C, Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện C: Tính đến ngày 19/3/2025, ông Đinh Văn N và bà Hoàng Thị Kim H đang còn dư nợ như sau: Theo khế ước nhận nợ số 6600000721209725 (vay theo chương trình hộ cận nghèo) là 100.220.000 đồng, trong đó tiền gốc là 100.000.000 đồng và tiền lãi là 220.000 đồng, hạn trả ngày 10/09/2026. Nay ông N và bà H giải quyết việc không công nhận là vợ chồng thì Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện C yêu cầu ông N và bà H phải trả toàn bộ số tiền vay là 100.000.000 đồng và lãi suất phát sinh theo hợp đồng vay.

Tòa án đã tiến hành mở phiên họp, công khai chứng cứ và hòa giải về trách nhiệm trả nợ chung nhưng không được do bà H vắng mặt.

Tại phiên tòa, nguyên đơn ông N vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, nguyên đơn trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa đã đảm bảo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa chấp hành quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về đường lối giải quyết vụ án: Về quan hệ hôn nhân, ông N và bà H sống chung với nhau như vợ chồng nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật,

quá trình chung sống, hai bên có xảy ra mâu thuẫn, hiện nay tình cảm giữa ông N và bà H không còn khả năng hàn gắn lại được nên đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Đinh Văn N và bà Hoàng Thị Kim H.

Về con chung: Do con chung của ông N và bà H gồm cháu Đinh Thị L, sinh ngày 10/01/1992; cháu Đinh Thị L1, sinh ngày 10/01/1992; cháu Đinh Văn P1, sinh ngày 01/6/1993 và cháu Đinh Thị L2, sinh ngày 06/02/1996 đã trưởng thành, tự lo cho bản thân, ông N không có yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét.

Về tài sản chung: Nguyên đơn không có yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét.

Về nợ chung: Ông N xác định có trách nhiệm trả cho Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện C số tiền 100.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh. Do đó, cần buộc ông N phải trả cho Ngân hàng 100.000.000 đồng tiền gốc và lãi suất phát sinh theo hợp đồng vay vốn đã ký.

Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí Hôn nhân gia đình và án phí dân sự sơ thẩm đối với trách nhiệm trả nợ chung theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] ***Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:***

Xuất phát từ việc ông Đinh Văn N và bà Hoàng Thị Kim H sống chung với nhau như vợ chồng từ năm 1991 nhưng không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống thường xuyên mẫu thuẫn nên ông N làm đơn yêu cầu Tòa án tuyên bố không công nhận uan hệ vợ chồng giữa ông và bà Hoàng Thị Kim H. Căn cứ vào khoản 8 Điều 28, khoản 1 Điều 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xác định đây là vụ kiện "không công nhận quan hệ vợ chồng", ông N và bà H đều có địa chỉ tại thôn L, xã Đ, huyện Đ nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đam Rông.

[2] ***Về quan hệ hôn nhân***: Qua xem xét đánh giá chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án cũng như lời khai nhận của nguyên đơn trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án và tại phiên tòa thì thấy rằng ông Đinh Văn N và bà Hoàng Thị Kim H chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1991 nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, quá trình chung sống thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Vì vậy ông N làm đơn yêu cầu Tòa án tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông và bà H. Căn cứ theo quy định tại Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình thì quan hệ giữa ông Đinh Văn N và bà Hoàng Thị Kim H không được pháp luật thừa nhận là vợ chồng, do vậy yêu cầu của ông N là có căn cứ và Hội đồng xét xử chấp nhận, tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Đinh Văn N và bà Hoàng Thị Kim H.

[3] ***Về con chung:*** Theo ông Đinh Văn N thì ông và bà Hoàng Thị Kim H có bốn con chung là cháu Đinh Thị L, sinh ngày 10/01/1992; cháu Đinh Thị L1, sinh ngày 10/01/1992; cháu Đinh Văn P1, sinh ngày 01/6/1993 và cháu Đinh Thị L2, sinh ngày

06/2/1996. Hiện nay, các con chung của ông đã đủ tuổi trưởng thành, có thể tự lo cho cuộc sống nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết về trách nhiệm nuôi dưỡng con chung. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[4] ***Về tài sản chung***: Theo ông N thì ông và bà H tự thỏa thuận phân chia về tài sản chung, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[5] ***Về nợ chung***: Ông Đinh Văn N và Ngân hàng C - Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện C xác định hiện nay ông N, bà H còn nợ Ngân hàng số tiền 100.000.000 đồng và lãi suất phát sinh. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa ông N nhận trách nhiệm trả cho Ngân hàng C - Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện C số tiền 100.000.000 đồng tiền gốc và tiền lãi phát sinh theo hợp đồng vay. Do đó, cần buộc ông N phải trả cho Ngân hàng toàn bộ số nợ này.

[6] ***Về án phí***: Áp dụng Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội khóa XIV quy định về án phí, lệ phí Tòa án; Buộc nguyên đơn ông Đinh Văn N phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm đối với trách nhiệm trả nợ chung.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 8 Điều 28, các Điều 35, 39, 147, 266 Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình.

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội khóa XIV quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Đinh Văn N và bà Hoàng Thị Kim H.

2. Về nợ chung: ông Đinh Văn N có trách nhiệm trả cho Ngân hàng C - Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện C số tiền nợ gốc 100.000.000 đồng và lãi phát sinh theo hợp đồng vay vốn đã ký.

3. Về án phí: Buộc nguyên đơn ông Đinh Văn N phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) án phí dân sự sơ thẩm, tổng cộng là 5.300.000 đồng (Năm triệu ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí ông N đã nộp theo biên lai thu tiền số 0006272 ngày 31 tháng 10 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đam Rông, tỉnh Lâm Đồng. Ông Đinh Văn N còn phải nộp 5.000.000 đồng án phí.

Các đương sự được quyền làm đơn kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (25/4/2025), đương sự vắng mặt thì thời hạn được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết, tống đạt hợp lệ để yêu cầu Tóa án nhân dân tỉnh L xét xử phúc thẩm./.

Nơi nhận:

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSNDH. Đam Rông;
- CC THADS H. Đam Rông;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊNTÒA

Đỗ Thị Thúy Phượng